

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 44

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNĐKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 1 ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh (gần nhất lần thứ 12 ngày 14 tháng 7 năm 2025).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là SGN theo Quyết định số 242/QĐ-SGDHCM ngày 4 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Hoạt động theo giấy CNĐKDN của Công ty là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); và đào tạo.

Công ty có trụ sở chính tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Cao Cường	Chủ tịch	bổ nhiệm lại vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Công Hoàn	Thành viên	bổ nhiệm lại vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	bổ nhiệm lại vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Lưu Việt Hùng	Thành viên	miễn nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Anh Minh	Thành viên độc lập	bổ nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên độc lập	miễn nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	bổ nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Bà Trần Quang Tâm Thảo	Trưởng ban	miễn nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	bổ nhiệm lại vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Hoàng Mạnh Hà	Thành viên	bổ nhiệm lại vào ngày 20 tháng 6 năm 2025

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc phụ trách ban Điều hành	miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 5 năm 2025
Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm lại vào ngày 10 tháng 6 năm 2025
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm lại vào ngày 10 tháng 6 năm 2025
Bà Lương Thị Trâm My	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm vào ngày 10 tháng 6 năm 2025
Ông Lưu Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 7 năm 2025
Ông Phùng Danh Nguyên	Kế toán trưởng	bổ nhiệm lại vào ngày 10 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Cao Cường	Chủ tịch	
Ông Bùi Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	từ ngày 14 tháng 7 năm 2025

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Hồ Chí Minh và chi nhánh không có tư cách pháp nhân) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12 trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 để ngày 26 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

PHỤC VỤ MẶT ĐẤT

SÀI GÒN

Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11878890/E-69249770/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đó vào ngày 28 tháng 8 năm 2024. Ngoài ra, báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính tổng hợp đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

**CÔNG TY
TNHH
ERNST & YOUNG
VIỆT NAM**

M.S.D.N: 0303012387
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Trình bày lại - Thuyết minh số 28)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		978.926.098.327	1.056.999.453.623
110	I. Tiền	4	189.786.168.229	304.282.243.596
111	1. Tiền		189.786.168.229	304.282.243.596
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		610.000.000.000	570.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	610.000.000.000	570.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		162.109.606.008	166.319.612.797
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	200.970.078.703	223.164.028.981
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	17.117.614.654	6.740.101.716
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	15.756.932.470	9.519.803.713
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(71.735.019.819)	(73.104.321.613)
140	IV. Hàng tồn kho	9	9.361.985.566	10.292.773.998
141	1. Hàng tồn kho		9.361.985.566	10.292.773.998
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.668.338.524	6.104.823.232
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.968.626.702	5.565.748.351
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.604.703.466	539.074.881
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		95.008.356	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		440.250.379.503	214.101.073.014
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.247.416.945	339.295.300
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	7.268.604.900	7.268.604.900
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	21.847.416.945	20.939.295.300
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(27.868.604.900)	(27.868.604.900)
220	II. Tài sản cố định		141.159.295.066	171.736.426.432
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	141.159.295.066	171.736.426.432
222	Nguyên giá		933.810.988.417	932.997.444.192
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(792.651.693.351)	(761.261.017.760)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		774.068.000	774.068.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(774.068.000)	(774.068.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	795.454.545
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	-	795.454.545
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		275.678.400.000	25.928.400.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	275.678.400.000	25.928.400.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		22.165.267.492	15.301.496.737
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	673.750.416	82.013.181
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	21.491.517.076	15.219.483.556
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.419.176.477.830	1.271.100.526.637

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		391.165.184.953	249.268.454.665
310	I. Nợ ngắn hạn		363.279.574.953	228.418.827.615
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	4.372.088.934	38.968.532.813
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	6.416.465.984	2.504.632.644
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	13.771.332.793	18.327.573.899
314	4. Phải trả người lao động		148.225.051.590	78.375.182.588
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	47.286.948.512	66.632.590.467
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	97.461.809.899	9.999.167.329
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		45.745.877.241	13.611.147.875
330	II. Nợ dài hạn		27.885.610.000	20.849.627.050
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	27.885.610.000	20.849.627.050
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	1.028.011.292.877	1.021.832.071.972
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.028.011.292.877	1.021.832.071.972
411	1. Vốn cổ phần		335.816.910.000	335.816.910.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		335.816.910.000	335.816.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.603.680.000	6.603.680.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(753.400.000)	(753.400.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		468.161.284.086	371.296.577.691
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		218.182.818.791	308.868.304.281
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		89.965.355.488	64.038.725.599
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		128.217.463.303	244.829.578.682
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.419.176.477.830	1.271.100.526.637

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Thị Thúy Diễm
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu về cung cấp dịch vụ	19.1	651.062.318.395	634.857.138.641
02	2. Giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	19.1	651.062.318.395	634.857.138.641
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp		(442.602.436.467)	(427.224.705.292)
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		208.459.881.928	207.632.433.349
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	36.324.673.428	21.141.887.531
22	7. Chi phí tài chính	20	(1.094.225.698)	(521.557.017)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(86.538.972.836)	(87.984.473.927)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		157.151.356.822	140.268.289.936
31	10. Thu nhập khác		300.341.521	1.053.837.532
32	11. Chi phí khác		(70.047.083)	(6.434.240)
40	12. Lợi nhuận khác		230.294.438	1.047.403.292
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		157.381.651.260	141.315.693.228
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.2	(35.436.221.477)	(35.486.555.550)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	6.272.033.520	7.152.536.633
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		128.217.463.303	112.981.674.311

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Thị Thúy Diễm
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		157.381.651.260	141.315.693.228
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	11	31.390.675.591	33.127.052.285
03	(Hoàn nhập) trích lập dự phòng	21	(1.369.301.794)	23.023.292.151
04	(Lỗ) lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		64.757.695	(7.741.077.905)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	19.2	(25.656.158.260)	(7.201.205.404)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		161.811.624.492	182.523.754.355
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		2.310.892.154	(10.147.834.813)
10	Giảm hàng tồn kho		930.788.432	721.521.536
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		17.089.379.158	(36.236.142.253)
12	Giảm chi phí trả trước		1.005.384.414	2.575.718.353
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") đã nộp	15	(29.255.195.069)	(27.974.566.655)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	3.012.715.460
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.189.535.532)	(9.265.237.364)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		149.703.338.049	105.209.928.619
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(18.089.680)	(16.058.262.182)
23	Tiền gửi có kỳ hạn		(40.000.000.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(249.750.000.000)	-
27	Lãi tiền gửi, cổ tức đã nhận		24.747.245.095	8.506.054.719
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(265.020.844.585)	(7.552.207.463)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(115.317.506.536)	97.657.721.156
60	Tiền đầu kỳ		304.282.243.596	260.727.549.056
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		821.431.169	8.448.284.232
70	Tiền cuối kỳ	4	189.786.168.229	366.833.554.444

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Thị Thủy Diễm
Người lập



Phùng Danh Nguyễn
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30/10/2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNĐKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 1 ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh (gần nhất lần thứ 12 ngày 14 tháng 7 năm 2025).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là SGN theo Quyết định số 242/QĐ-SGDHCM ngày 4 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Hoạt động theo giấy CNĐKDN của Công ty là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); và đào tạo.

Công ty có trụ sở chính tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.468 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.691).

Công ty có một chi nhánh và hai công ty con, như sau:

Chi nhánh

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Các công ty con

- (i) Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh ("SAGS-CXR") là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các Giấy CNĐKDN điều chỉnh sau đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

Hoạt động theo Giấy CNĐKDN của SAGS-CXR là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-CXR tọa lạc tại Cảng Hàng Không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

(ii) Thực hiện biên bản Đại Hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông bất thường ngày 6 tháng 3 năm 2025 thông qua chủ trương thành lập pháp nhân mới để tổ chức thực hiện vận hành, khai thác Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không và dịch vụ phục kỹ thuật thương mại mặt đất số 2 tại Cảng Hàng không quốc tế Long Thành. Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đã ban hành Nghị Quyết 272/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 3 năm 2025, thông qua quyết định góp vốn thành lập Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành.

Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành ("SAGS-LT") là công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKDN số 3604009272 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24 tháng 3 năm 2025. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty sở hữu 75% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-LT.

Hoạt động theo giấy CNĐKDN của SAGS-LT là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-LT tại Cảng Hàng Không Quốc tế Long Thành, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") để ngày 26 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200 cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để phản ánh chi phí mua sắm tài sản cố định và tình hình quyết toán chi phí mua sắm tài sản cố định trong trường hợp phải qua lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng (kể cả mua tài sản cố định mới hoặc đã qua sử dụng). Phản ánh chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và tình hình quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Phản ánh chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và tình hình quyết toán sửa chữa lớn tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ khi Hội đồng Quản trị quyết định chi trả, sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đào tạo trình độ chuyên môn của Người lao động của Công ty hoặc góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích các cá nhân, tập thể có năng suất lao động và thành tích đóng góp đặc biệt, phát huy sáng kiến, cải tạo kỹ thuật, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và dịch vụ phi hàng không (phục vụ khách VIP, FC, dịch vụ đào tạo, dịch vụ hành lý, hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán).

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng thuế suất GTGT theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam, như doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay quốc nội chịu thuế suất 8%. doanh thu đào tạo không chịu thuế.

Tại Chi nhánh Đà Nẵng thuế GTGT được kê khai và nộp riêng ở Chi nhánh.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Văn phòng Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng (đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty) được nộp tập trung tại Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	374.784.000	-
Tiền gửi ngân hàng	189.411.384.229	304.282.243.596
TỔNG CỘNG	189.786.168.229	304.282.243.596

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Trình bày lại)
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	610.000.000.000	570.000.000.000

Số cuối kỳ thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc là sáu (6) tháng và hướng lãi suất dao động từ 3,2%/năm đến 5,6%/năm.

Trong đó: Hợp đồng tiền gửi số 900/2024/66046, có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, với giá trị 30.000.000.000 VND, được sử dụng làm tài sản cầm cố cho Hợp đồng bảo lãnh số 24.867068/2024-HĐCBLTL/NHCT900-SAGS nhằm đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện hợp đồng cho Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại Cảng hàng không Quốc tế Long Thành. Hợp đồng bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2050 và số tiền được bảo lãnh là 23.430.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	200.970.078.703	223.164.028.981
Bên liên quan (Thuyết minh số 24)	28.591.108.416	50.373.142.830
Các bên khác	172.378.970.287	172.790.886.151
- Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	64.518.959.871	67.518.959.871
- Air Asia Berhart	11.878.783.246	7.816.763.195
- Emirates Airline	11.444.929.462	6.474.579.750
- Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	9.096.219.093	8.819.704.608
- Thai Airasia Co., Ltd	9.083.304.697	4.591.713.510
- Scoot Tiger Air Pte. Ltd	7.957.178.992	5.453.781.841
- Qatar Airways	7.517.408.136	22.361.151.489
- Turkish Airlines	5.505.620.400	5.229.780.000
- T'Way Air., Ltd	5.167.540.236	4.440.737.701
- Asiana Airlines Inc	1.947.660.792	5.019.634.350
- Khác	38.261.365.362	35.064.079.836
Dài hạn	7.268.604.900	7.268.604.900
- Công ty Cổ phần Air Mekong	5.508.337.650	5.508.337.650
- Cardig Air	1.760.267.250	1.760.267.250
TỔNG CỘNG	208.238.683.603	230.432.633.881
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(71.735.019.819)	(73.104.321.613)
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(7.268.604.900)	(7.268.604.900)
GIÁ TRỊ THUẦN	129.235.058.884	150.059.707.368

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024			VND
	Nợ gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	Nợ gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi							
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	64.518.959.871	(64.518.959.871)	-	67.518.959.871	(67.518.959.871)	-	
Công ty Cổ phần Hàng Không Lữ hành Việt Nam	9.096.219.093	(6.173.793.226)	2.922.425.867	8.819.704.608	(4.543.095.020)	4.276.609.588	
Nordwind Airlines, LLC	358.386.000	(351.290.624)	7.095.376	351.290.624	(351.290.624)	-	
Fly Gangwon	704.932.447	(690.976.098)	13.956.349	690.976.098	(690.976.098)	-	
TỔNG CỘNG	74.678.497.411	(71.735.019.819)	2.943.477.592	77.380.931.201	(73.104.321.613)	4.276.609.588	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi							
Công ty Cổ phần Air Mekong	5.508.337.650	(5.508.337.650)	-	5.508.337.650	(5.508.337.650)	-	
Cardig Air - CGO	1.760.267.250	(1.760.267.250)	-	1.760.267.250	(1.760.267.250)	-	
TỔNG CỘNG	7.268.604.900	(7.268.604.900)	-	7.268.604.900	(7.268.604.900)	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Thương mại		
Dịch vụ Du lịch B&B	9.933.221.164	-
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật		
Hàng không Việt Nam	3.780.000.000	3.744.525.117
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	1.878.400.000	-
Công ty Cổ phần Avintech	1.338.605.200	1.419.616.000
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	-	753.168.000
Khác	187.388.290	822.792.599
TỔNG CỘNG	17.117.614.654	6.740.101.716

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Trình bày lại)
Ngắn hạn	15.756.932.470	9.519.803.713
Lãi dự thu	7.687.104.946	6.778.191.781
Chi hộ SAGS-LT (Thuyết minh số 24)	5.664.591.524	-
Các khoản trả hộ các hãng hàng không	913.813.014	628.451.447
Tạm ứng nhân viên	736.285.000	71.846.200
Khác	755.137.986	2.041.314.285
Dài hạn	21.847.416.945	20.939.295.300
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng		
Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	20.600.000.000	20.600.000.000
Ký cược, ký quỹ	1.247.416.945	339.295.300
TỔNG CỘNG	37.604.349.415	30.459.099.013
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(20.600.000.000)	(20.600.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	17.004.349.415	9.859.099.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nguyên liệu, vật liệu	8.857.828.714	9.924.678.998
Công cụ, dụng cụ	504.156.852	368.095.000
TỔNG CỘNG	9.361.985.566	10.292.773.998

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	3.968.626.702	5.565.748.351
Phần mềm mail server và license	1.228.658.340	897.676.632
Phí bảo hiểm phương tiện vận chuyển	1.093.017.170	529.823.293
Phí bảo hiểm trách nhiệm hàng không	736.862.500	719.612.500
Phí bảo hiểm sức khỏe nhân viên	683.512.146	2.776.980.955
Phí sửa chữa	-	309.150.000
Khác	226.576.546	332.504.971
Dài hạn	673.750.416	82.013.181
Chi phí sửa chữa	464.533.491	-
Chi phí tần số vô tuyến điện	176.120.000	44.030.005
Phí chứng thư tên miền	33.096.925	37.983.176
TỔNG CỘNG	4.642.377.118	5.647.761.532

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	28.915.594.554	13.423.727.428	856.890.785.222	33.767.336.988	932.997.444.192
Chuyển từ xây dựng cơ bản	-	-	795.454.545	-	795.454.545
Mua mới	-	-	18.089.680	-	18.089.680
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	28.915.594.554	13.423.727.428	857.704.329.447	33.767.336.988	933.810.988.417
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	10.934.123.798	522.670.709.440	20.329.245.624	553.934.078.862
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(11.007.845.315)	(12.213.158.149)	(711.104.251.762)	(26.935.762.534)	(761.261.017.760)
Khấu hao trong kỳ	(607.644.201)	(236.794.974)	(29.334.606.182)	(1.211.630.234)	(31.390.675.591)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(11.615.489.516)	(12.449.953.123)	(740.438.857.944)	(28.147.392.768)	(792.651.693.351)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	17.907.749.239	1.210.569.279	145.786.533.460	6.831.574.454	171.736.426.432
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	17.300.105.038	973.774.305	117.265.471.503	5.619.944.220	141.159.295.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</u>	
	Vốn đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Vốn đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	(VND)	(%)	(VND)	(%)
Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành (i)	249.750.000.000	75%	-	-
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (ii)	25.928.400.000	51%	25.928.400.000	51%
TỔNG CỘNG	275.678.400.000		25.928.400.000	

(i) Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành ("SAGS-LT") là công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3604009272 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24 tháng 3 năm 2025. Công ty sở hữu 75% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-LT.

(ii) Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh ("SAGS-CXR") là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</u>
Bên liên quan (Thuyết minh số 24)	1.067.038.706	15.475.655.486
Bên khác	3.305.050.228	23.492.877.327
Công ty Xăng Dầu Khu Vực II – TNHH Một Thành Viên	1.199.256.911	2.144.201.488
Công ty Xăng Dầu Khu Vực V - TNHH Một Thành Viên	576.517.292	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại Nhà Bè	-	4.839.442.200
Khác	1.529.276.025	16.509.233.639
TỔNG CỘNG	4.372.088.934	38.968.532.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÃN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bên liên quan (Thuyết minh số 24)	4.370.739.360	-
Bên khác	2.045.726.624	2.504.632.644
Euro Cargo Aviation Hk Limited	896.600.000	896.600.000
Polskie Linie Lotnicze Lot S.A	710.355.588	710.355.588
Juneyao Airlines Co. Ltd	-	491.180.872
Khác	438.771.036	406.496.184
TỔNG CỘNG	6.416.465.984	2.504.632.644

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.803.506.429	35.436.221.477	(29.255.195.069)	11.984.532.837
Thuế thu nhập cá nhân	12.524.067.470	13.725.844.854	(24.463.112.368)	1.786.799.956
Thuế giá trị gia tăng	-	17.998.594.657	(17.998.594.657)	-
Thuế khác	-	118.756.015	(118.756.015)	-
TỔNG CỘNG	18.327.573.899	67.279.417.003	(71.835.658.109)	13.771.332.793

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÃN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	15.956.680.092	588.142.585
Chi phí sử dụng thiết bị chuyên dụng	13.800.749.473	-
Chi phí phúc lợi cho người lao động	11.434.782.000	1.050.279.000
Quỹ dự phòng tiền lương	-	64.700.000.000
Khác	6.094.736.947	294.168.882
TỔNG CỘNG	47.286.948.512	66.632.590.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	97.461.809.899	9.999.167.329
Cổ tức phải trả	83.833.977.500	-
Phải trả tiền vé, hoa hồng bán vé đã thu hộ	8.600.289.554	8.664.524.283
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	1.880.000.000	-
Khác	3.147.542.845	1.334.643.046
Dài hạn	27.885.610.000	20.849.627.050
Nhận kỳ cược, kỳ quỹ của các hãng hàng không	27.885.610.000	20.849.627.050
TỔNG CỘNG	125.347.419.899	30.848.794.379
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	<i>71.008.217.500</i>	<i>200.000.000</i>
<i>Bên khác</i>	<i>54.339.202.399</i>	<i>30.648.794.379</i>

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
						Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	307.309.977.722	238.520.386.388	887.497.554.110
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	112.981.674.311	112.981.674.311
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024	-	-	-	63.986.599.969	(63.986.599.969)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024	-	-	-	-	(21.328.866.656)	(21.328.866.656)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	-	-	-	-	(5.332.216.664)	(5.332.216.664)
Cổ tức 2023 đã công bố	-	-	-	-	(83.833.977.500)	(83.833.977.500)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	371.296.577.691	177.020.399.910	889.984.167.601

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	371.296.577.691	308.868.304.281	1.021.832.071.972
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	128.217.463.303	128.217.463.303
Trích quỹ theo HĐQT ngày 20 ngày 6 năm 2025	-	-	-	96.864.706.395	(96.864.706.395)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo HĐQT ngày 20 ngày 6 năm 2025	-	-	-	-	-	-
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	-	-	-	-	(36.324.264.898)	(36.324.264.898)
Có tức năm 2024 theo HĐQT ngày 20 ngày 6 năm 2025 (*)	-	-	-	-	(1.880.000.000)	(1.880.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	468.161.284.086	218.182.818.791	1.028.011.292.877

(*) Theo HĐQT thường niên năm 2025 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 ngày 6 năm 2025, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả có tức năm 2024 cho các cổ đông hiện hữu bằng tiền tại mức 25% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông (2.500 VND/cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	48.03%	161.280.510.000	48,03%	161.280.510.000
Quỹ đầu tư nước ngoài America LLC	24.96%	83.824.140.000	24,96%	83.824.140.000
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	9,11%	30.608.220.000	9,11%	30.608.220.000
Khác	17,76%	59.623.040.000	17,76%	59.623.040.000
Cổ phiếu quỹ	0,14%	481.000.000	0,14%	481.000.000
TỔNG CỘNG		335.816.910.000		335.816.910.000

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	335.816.910.000	335.816.910.000
Cổ tức		
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	-

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	33.581.691	33.581.691
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(48.100)	(48.100)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	33.533.591	33.533.591

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ công nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Doanh thu dịch vụ hàng không	634.872.960.419	624.419.511.260
<i>Phục vụ mặt đất</i>	<i>614.681.386.518</i>	<i>606.168.256.260</i>
<i>Dịch vụ kéo đẩy</i>	<i>17.609.799.521</i>	<i>16.100.399.980</i>
<i>Dịch vụ xe chở khách</i>	<i>2.581.774.380</i>	<i>2.150.855.020</i>
Doanh thu dịch vụ phi hàng không	16.189.357.976	10.437.627.381
<i>Dịch vụ hành lý, hàng hóa</i>	<i>4.457.077.217</i>	<i>3.077.938.721</i>
<i>Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng</i>	<i>3.171.356.676</i>	<i>1.479.484.765</i>
<i>Dịch vụ đào tạo</i>	<i>1.986.737.069</i>	<i>2.061.593.675</i>
<i>Khác</i>	<i>6.574.187.014</i>	<i>3.818.610.220</i>
TỔNG CỘNG	651.062.318.395	634.857.138.641
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	<i>427.951.422.078</i>	<i>369.646.799.234</i>
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 24)</i>	<i>223.110.896.317</i>	<i>265.210.339.407</i>

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi tiền gửi	13.261.118.260	7.201.205.404
Cổ tức	12.395.040.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ	10.668.515.168	6.199.604.222
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	7.741.077.905
TỔNG CỘNG	36.324.673.428	21.141.887.531

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.029.468.003	521.557.017
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	64.757.695	-
TỔNG CỘNG	1.094.225.698	521.557.017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí nhân viên	38.096.805.194	33.391.736.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.493.913.917	13.712.611.361
Chi phí nhượng quyền khai thác	12.697.459.209	12.488.390.225
Chi phí khấu hao	1.352.393.143	1.492.027.173
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	689.989.630	2.058.786.787
(Hoàn nhập) chi phí trích lập dự phòng	(1.369.301.794)	23.023.292.151
Chi phí khác	1.577.713.537	1.817.629.810
TỔNG CỘNG	86.538.972.836	87.984.473.927

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí nhân viên	288.775.820.504	265.394.184.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.716.495.371	157.619.384.819
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 11</i>)	31.390.675.591	33.127.052.285
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	27.016.598.883	22.943.153.600
Chi phí nhượng quyền khai thác	12.697.459.209	12.488.390.225
(Hoàn nhập) chi phí trích lập dự phòng	(1.369.301.794)	23.023.292.151
Chi phí khác	1.913.661.539	613.721.318
TỔNG CỘNG	529.141.409.303	515.209.179.219

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.382.994.831	35.486.555.550
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	53.226.646	-
	<u>35.436.221.477</u>	<u>35.486.555.550</u>
Thu nhập thuế TNDN hoàn lại	(6.272.033.520)	(7.152.536.633)
TỔNG CỘNG	<u>29.164.187.957</u>	<u>28.334.018.917</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>157.381.651.260</u>	<u>141.315.693.228</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	31.476.330.252	28.263.138.646
<i>Điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	113.639.059	70.880.271
Cổ tức	(2.479.008.000)	-
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	53.226.646	-
Chi phí thuế TNDN	<u>29.164.187.957</u>	<u>28.334.018.917</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của kỳ hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục lợi nhuận chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận kế toán trước thuế	157.381.651.260	141.315.693.228
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	31.476.330.252	28.263.138.646
<i>Điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Cổ tức	(2.479.008.000)	-
Chi phí không được trừ	113.639.059	70.880.271
Chi phí trích trước	5.990.840.340	4.242.847.395
Chênh lệch tỷ giá	555.053.539	(1.694.969.191)
(Hoàn nhập) chi phí trích lập dự phòng	(273.860.359)	4.604.658.429
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	53.226.646	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.436.221.477	35.486.555.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí trích trước	6.349.758.432	358.918.092	5.990.840.340	4.242.847.394
Chênh lệch tỷ giá	(142.572.032)	(697.625.571)	555.053.539	(1.694.969.191)
Dự phòng phải thu khó đòi	15.284.330.676	15.558.191.035	(273.860.359)	4.604.658.430
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	21.491.517.076	15.219.483.556		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			6.272.033.520	7.152.536.633

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP ("ACV")	Cổ đông lớn
Quỹ đầu tư nước ngoài America LLC	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	Công ty con
Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành	Công ty con
Các cá nhân quản lý (Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng)	Thành viên chủ chốt

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
VND				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn			
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Cổ tức công bố	40.320.127.500	40.320.127.500
		Cung cấp dịch vụ	4.681.893.745	3.190.704.440
		Sử dụng dịch vụ	153.805.000	184.566.000
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh ACV		Sử dụng dịch vụ	63.175.839.771	77.044.980.304
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh ACV		Sử dụng dịch vụ	9.666.661.512	9.131.218.991
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	218.054.502.572	261.788.160.967
		Cổ tức công bố	7.652.055.000	7.652.055.000
Quỹ đầu tư nước ngoài America LLC	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố	20.956.035.000	20.956.035.000
Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành	Công ty con	Chi hộ	5.664.591.524	-
Công ty Cổ Phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty con	Cổ tức được chia	12.395.040.000	-
		Cung cấp dịch vụ	374.500.000	231.474.000
		Sử dụng dịch vụ	79.574.074	-

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	24.414.937.271	45.981.741.912
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	3.839.751.145	4.380.492.918
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	336.420.000	10.908.000
TỔNG CỘNG			28.591.108.416	50.373.142.830
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành	Công ty con	Chi hộ	5.664.591.524	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Sử dụng dịch vụ	166.109.400	33.221.880
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	852.416.806	14.226.810.867
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh ACV		Sử dụng dịch vụ	42.168.500	1.210.467.899
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh ACV		Sử dụng dịch vụ	6.344.000	5.154.840
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty con			
TỔNG CỘNG			1.067.038.706	15.475.655.486

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Có đồng lớn	Sử dụng dịch vụ	4.370.739.360	-
Phải trả khác				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Có đồng lớn	Cổ tức	40.320.127.500	-
Quý đầu tư nước ngoài America LLC	Có đồng lớn	Cổ tức	20.956.035.000	-
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Có đồng lớn	Cổ tức	7.652.055.000	-
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát,	Thành viên	Đặt cọc	200.000.000	200.000.000
Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	chủ chốt	Thủ lao	1.880.000.000	-
TỔNG CỘNG			71.008.217.500	200.000.000

Các bên liên quan khác là cá nhân không phát sinh giao dịch cũng như không phát sinh công nợ trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong kỳ như sau:

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	806.027.489	3.759.484.815
- Ông Nguyễn Cao Cường	60.000.000	-
- Ông Đặng Tuấn Tú (*)	578.027.489	2.808.797.127
- Ông Lưu Việt Hùng	42.000.000	237.671.922
- Ông Lưu Đức Khánh	42.000.000	237.671.922
- Bà Nguyễn Ngọc Anh	42.000.000	237.671.922
- Ông Nguyễn Công Hoàn	42.000.000	-
- Ông Nguyễn Nam Tiến	-	237.671.922
Thu nhập của Ban Kiểm soát	510.878.658	852.890.994
- Bà Trần Quang Tâm Thảo (*)	470.878.658	581.265.940
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	20.000.000	135.812.527
- Ông Hoàng Mạnh Hà	20.000.000	135.812.527
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (*)	5.764.576.933	9.776.972.070
- Ông Nguyễn Văn Mỹ	1.169.387.518	2.071.180.093
- Bà Lê Thị Hoàng Oanh	1.192.714.748	1.893.266.091
- Ông Hứa Kiến Trung	1.185.831.836	1.928.926.716
- Ông Lưu Việt Hùng	1.168.575.710	1.751.116.135
- Ông Phùng Danh Nguyên	1.048.067.121	1.649.649.452
- Ông Nguyễn Đình Hùng	-	482.833.583
TỔNG CỘNG	7.081.483.080	14.389.347.879

(*) Thành viên chuyên trách.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi khu vực địa lý. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo hoạt động kinh doanh không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Văn phòng Hồ Chí Minh	Chi nhánh Đà Nẵng	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			
Doanh thu	492.917.449.790	141.939.688.851	634.857.138.641
Chi phí	(397.274.669.126)	(117.934.510.093)	(515.209.179.219)
Lợi nhuận bộ phận	95.642.780.664	24.005.178.758	119.647.959.422
Doanh thu hoạt động tài chính	20.913.034.663	228.852.868	21.141.887.531
Chi phí tài chính	(515.160.062)	(6.396.955)	(521.557.017)
Thu nhập khác	1.052.117.531	1.720.001	1.053.837.532
Chi phí khác	(6.021.885)	(412.355)	(6.434.240)
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	117.086.750.911	24.228.942.317	141.315.693.228
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(28.727.278.933)	(6.759.276.617)	(35.486.555.550)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	5.183.781.954	1.968.754.679	7.152.536.633
Lợi nhuận sau thuế TNDN	93.543.253.932	19.438.420.379	112.981.674.311
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Tài sản bộ phận	1.223.554.479.315	47.546.047.322	1.271.100.526.637
Nợ phải trả bộ phận	195.274.653.485	53.993.801.180	249.268.454.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau (tiếp theo):

	Văn phòng Hồ Chí Minh	Chi nhánh Đà Nẵng	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025			
Doanh thu	461.091.688.985	189.970.629.410	651.062.318.395
Chi phí	(385.193.508.854)	(143.947.900.449)	(529.141.409.303)
Lợi nhuận bộ phận	75.898.180.131	46.022.728.961	121.920.909.092
Doanh thu hoạt động tài chính	35.668.895.875	655.777.553	36.324.673.428
Chi phí tài chính	(322.521.045)	(771.704.653)	(1.094.225.698)
Thu nhập khác	296.414.496	3.927.025	300.341.521
Chi phí khác	(69.426.347)	(620.736)	(70.047.083)
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	111.471.543.110	45.910.108.150	157.381.651.260
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(24.978.907.824)	(10.457.313.653)	(35.436.221.477)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	5.000.170.293	1.271.863.227	6.272.033.520
Lợi nhuận sau thuế TNDN	91.492.805.579	36.724.657.724	128.217.463.303
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025			
Tài sản bộ phận	1.348.604.896.059	70.571.581.771	1.419.176.477.830
Nợ phải trả bộ phận	320.593.603.181	70.571.581.772	391.165.184.953

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê tài sản và thuê mặt bằng để làm văn phòng tại nhà ga và khu tập kết. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu ước tính phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	17.428.582.766	19.200.544.247
Trên 1 đến 5 năm	6.978.106.883	3.068.254.400
TỔNG CỘNG	24.406.689.649	22.268.798.647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

27.1 Ngoại tệ các loại

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Đô la Mỹ (USD)	<u>129.668.571.275</u>	<u>5.033.717.83</u>	<u>184.450.715.685</u>	<u>7.304.978,84</u>

27.2 Nợ khó đòi đã xử lý

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã xóa sổ một số khoản nợ phải thu của khách hàng không có khả năng thu hồi, chi tiết như sau:

	Năm xóa sổ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Transaero Airlines	2017	<u>2.926.366.316</u>	<u>2.926.366.316</u>

28. ĐIỀU CHỈNH DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã điều chỉnh phân loại lại các dữ liệu tương ứng đối với một số khoản mục trên báo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi tiết như sau:

Khoản mục	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Đã trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	VND	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(Trình bày lại)

Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	540.000.000.000	30.000.000.000	570.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	50.939.295.300	(30.000.000.000)	20.939.295.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Thị Thủy Diễm
Người lập



Phùng Danh Nguyễn
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

